TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/DS-ST
Ngày 12-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Dũng.

2. Bà Trần Thị Minh Thâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020, về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1156/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1253/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Minh Đ, sinh năm: 1965; địa chỉ cư trú: Khu phố T1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm: 1982; địa chỉ cư trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm: 1981; địa chỉ cư trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hà Thị B, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Khu phố T1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị B: Ông Trần Minh Đ, sinh năm: 1965; địa chỉ cư trú: Khu phố T1, thị trấn T,

huyện T, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Minh Đ, đồng thời ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị B thống nhất trình bày: Vợ ông bà Hà Thị B là dì ruột của anh Nguyễn Ngọc S. Vợ chồng ông có cho anh S mượn tiền nhiều lần, tổng cộng là 85.000.000 đồng. Lần mượn nợ cuối cùng là ngày 17/2/2017. Khi mượn, hai bên có thỏa thuận anh S sẽ đưa cho ông tiền lãi là 4%/tháng nhưng anh S có lúc đưa, lúc không. Tháng 01/2019 ông có nộp đơn khởi kiện ra Tòa, được Tòa hòa giải thống nhất trả dần mỗi tháng 1.200.000 đồng đến khi hết nợ nên rút đơn. Anh S chỉ trả được 7 tháng với số tiền 8.400.000 đồng, sau đó không trả nữa mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Ngọc S, chị Nguyễn Thị Thanh L trả số tiền còn nợ là 76.600.000 đồng cho vợ chồng ông. Ông và bà B chỉ đồng ý cho anh S, chị L trả 4.000.000 đồng/tháng. Nếu anh S vẫn không thống nhất với mức trả này thì ông và bà B yêu cầu trả một lần cho ông toàn bộ số nợ trên.

Theo bản tự khai ngày 11 tháng 6 năm 2020, lời khai trong quá trình quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Ngọc S trình bày: Anh thống nhất anh còn nợ của vợ chồng ông Đ, bà B 76.600.000 đồng như ông Đ trình bày. Số tiền này ông Đ nhờ anh cho vay lại để lấy lãi chứ không phải tiền anh mượn để sử dụng cho gia đình. Nay anh đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện tại kinh tế của anh đang gặp khó khăn. Vợ anh không biết việc vay nợ trên.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Ngọc S. Chị không biết gì về việc vay mượn tiền giữa anh S và vợ chồng ông Đ, bà B. Năm 2018, chị mới biết anh S có nợ của ông Đ 85.000.000 đồng. Hằng ngày, anh S làm nghề thợ đá nên vẫn đủ chi phí cho chị nuôi con, sinh hoạt. Nay vợ chồng ông Đ, bà B yêu cầu chị cùng trả nợ chị không đồng ý vì không có liên quan.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc cá nhân anh S trả nợ cho vợ chồng ông Đ, bà B vì không chứng minh được chị L có liên quan đến số nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Minh Đ khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ từ việc vay mượn nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc S và chị Nguyễn Thị Thanh L cư trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Giữa ông Trần Minh Đ và anh Nguyễn Ngọc S thực hiện việc vay mượn tiền lần cuối cùng vào ngày 17 tháng 2 năm 2017. Theo thỏa thuận, đây là việc vay mượn không có thời hạn. Mặt khác, tháng 01 năm 2019, giữa hai bên tiếp tục có thỏa thuận lại về việc trả nợ dần với số tiền 1.200.000 đồng/tháng. Như vậy, đến nay vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của ông Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Trần Minh Đ và anh Nguyễn Ngọc S thống nhất anh S có vay mượn của vợ chồng ông Đ, bà Hà Thị B nhiều lần với tổng số tiền 85.000.000 đồng. Anh S vay số tiền này với mục đích để cho vay lại lấy lãi. Trong quá trình vay mượn, giữa hai bên có thanh toán tiền lãi nhiều lần nhưng không nhớ là bao nhiêu và nay ông Đ, anh S cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xét. Từ tháng 1 năm 2019 đến nay, anh S đã trả cho vợ chồng ông Đ, bà B tổng số tiền 8.400.000 đồng và còn nợ lại 76.600.000 đồng. Anh S yêu cầu được trả nợ dần với mức 3.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử thấy rằng tuy trước đây giữa hai bên có thỏa thuận về việc trả dần nhưng chỉ thỏa thuận miệng và anh S không thực hiện nghiêm túc việc thỏa thuận này. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ, bà B không đồng ý cho anh trả nợ dần nên áp dụng khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc anh S trả 01 lần cho vợ chồng ông Đ, bà B số tiền 76.600.000 đồng như ông Đ, bà B yêu cầu. Ông Đ, bà B không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Xét yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị Thanh L cùng trả nợ, xét thấy tuy chị L là vợ của anh S nhưng ông Đ không chứng minh được chị L cùng thực hiện vay hoặc anh S vay mượn để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trong khi đó, anh S vay mượn để cho người khác vay lại và không dùng lãi suất chênh lệch để phục vụ chi tiêu gia đình. Do đó, áp dụng Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu của ông Đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Ngọc S phải chịu 76.600.000 đồng x 5% = 3.830.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Buộc anh Nguyễn Ngọc S trả cho vợ chồng ông Trần Minh Đ, bà Hà Thị B số tiền 76.600.000 (bảy mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc S phải chịu 3.830.000 (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Tuy Phước;
- CCTHADS H. Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên